

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 01-2021
V/v ly hôn và nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Quý

Bà Đặng Thị Đới

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 360/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1996; đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn T, xã T1, huyện K, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện nay: Khu Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn T, sinh năm 1986; đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn 2, xã Tú Sơn, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 10 tháng 12 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Vũ Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 9 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh, chị cùng chung sống tại thôn T, xã T1, huyện K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung

sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, phong cách sống không phù hợp nên hai bên không có sự tôn trọng lẫn nhau dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi lẫn nhau làm ảnh hưởng đến cuộc sống chung cũng như việc nuôi dạy và chăm sóc con cái. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải xong không cải thiện được mà ngày càng căng thẳng hơn. Chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 4/2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị H và anh T không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Vũ Văn T.

Về con chung: Chị H khai vợ chồng có 01 con chung là Vũ Thị Trà M sinh ngày 13 tháng 10 năm 2014, hiện cháu M đang do chị H nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn chị H đề nghị được tiếp tục nuôi cháu M vì cháu M ở với chị H đã ổn định và được chăm sóc tốt về mọi mặt. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị H đề nghị thỏa thuận với anh T do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Vũ Văn T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai anh T vẫn không có mặt tại Tòa án để có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Vũ Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị H được ly hôn anh T. Về con chung, giao con là Vũ Thị Trà M cho chị H nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị H và anh T tự thỏa thuận giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung do chị H không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Vũ Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh T có mặt tại Tòa án trình bày ý kiến của mình về

việc chị Phạm Thị H có đơn xin ly hôn nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là anh Vũ Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Vũ Văn T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không tôn trọng nhau nên thường xuyên cãi vã gây xúc phạm nhau. Do mâu thuẫn nên chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T phù hợp với lời khai của chị H. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, anh T không có mặt tại Tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Vũ Thị Trà M sinh ngày 13 tháng 10 năm 2014, trường hợp ly hôn chị H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M. Việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như đảm bảo quyền được chăm sóc nuôi dưỡng con của cả cha, mẹ. Xét hiện nay, chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, cháu vẫn được chăm sóc ổn định về mọi mặt; anh T không có mặt và không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Như vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị H, giao cháu M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị H đề nghị để tự thỏa thuận với anh T nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị H khai vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, anh T vắng mặt và chưa có lời khai về tài sản chung vợ chồng, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Vũ Thị Trà M sinh ngày 13 tháng 10 năm 2014 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Vũ Thị Trà M đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Vũ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0009012 ngày 17/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Vũ Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T1, huyện K ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang